| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 411/2024/DS-PT
Ngày: 28 - 8 - 2024
*Về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH***

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Đặng Thị Đồng

2. Bà Võ Thị Hồng Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Gọn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** bà Trần Kim N, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

***- Bị đơn:*** bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1960; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** ông Vũ Ngọc L, sinh năm 1951; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi cư trú: khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Vũ Ngọc L, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Trần Kim N trình bày:***

Bà và bà T có mối quan hệ quen biết. Ngày 04/8/2022 âm lịch (tức ngày 30/8/2022 dương lịch), bà T vay của bà số tiền 150.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận thời hạn, hai bên chỉ thỏa thuận miệng khi nào bà cần tiền thì thông báo cho bà T để bà T trả lại. Khi vay tiền bà T có viết giấy mượn tiền và ký tên Trần Thị Kim T. Một tháng sau, là ngày 04/9/2022 âm lịch (tức ngày 29/9/2022 dương lịch), bà T vay thêm số tiền 120.000.000 đồng nên bà T có viết giấy mượn tiền trên cùng giấy nợ cũ với nội dung "*04/9/2022 chị mượn thêm 120 triệu TC: 270 triệu*". Bà và bà T thống nhất gạch bỏ nội dung vay tiền ngày 04/8/2022 để viết giấy nợ mới vào ngày 04/9/2022. Khoảng 10 ngày sau tức ngày 14/9/2022 âm lịch (tức ngày 09/10/2022 dương lịch) bà T vay thêm của bà số tiền 30.000.000 đồng nên bà ghi trên giấy nợ cũ với nội dung "*chị T mượn thêm 30 Triệu*" mà không ghi ngày, tháng, năm mượn tiền. Tổng cộng số tiền gốc bà T vay của bà là 300.000.000 đồng. Khi vay tiền bà T không thế chấp tài sản gì cho bà. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Bà T vay tiền từ ngày 04/8/2022 âm lịch thì đến ngày 04/9/2022 âm lịch mới bắt đầu trả tiền lãi cho bà. Mỗi lần trả tiền lãi hai bên không làm giấy tờ gì. Cụ thể, tháng 9/2022 âm lịch tiền lãi bà T trả cho bà là 4.500.000.000 đồng. Từ ngày 04/10/2022 âm lịch đến ngày 04/3/2023 âm lịch, mỗi tháng bà T trả tiền lãi cho bà là 9.000.000 đồng/tháng. Tổng cộng tiền lãi bà T đã trả cho bà là 58.500.000 đồng. Sau khi bà T ngưng trả tiền lãi thì bà yêu cầu bà T trả tiền gốc cho bà, bà T cứ hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không trả tiền cho bà.

Khi bà T vay tiền bà không hỏi mục đích vay để làm gì nhưng số tiền bà T vay của bà phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông L và thời điểm đó vợ chồng vẫn sống chung nhà nên nay bà yêu cầu bà T và ông L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bà đồng ý tính lại tiền lãi đã nhận theo quy định của pháp luật.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – bà Trần Thị Kim T trình bày:***

Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà N về số tiền vay, thời gian vay, lãi suất thỏa thuận và số tiền tiền lãi đã trả cho bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày mục đích bà vay tiền của bà N để cho chị N1 vay lại cũng với lãi suất 3%/tháng. Do chị N1 không trả tiền cho bà nên bà không có tiền trả cho bà N. Tại phiên tòa bà trình bày mục đích bà vay tiền của bà N để cho bà T1 trú tại tỉnh Cà Mau vay lại và không biết địa chỉ của bà T1 nên không khởi kiện bà T1 được. Khi vay tiền bà không thế chấp tài sản gì cho bà N. Từ ngày vay đến nay, tiền gốc bà chưa trả cho bà N được số tiền nào.

Nay bà đồng ý trả cho bà N số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng bà

yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi mà bà đã trả cho bà N với số tiền là 58.500.000 đồng.

Bà không đồng ý buộc ông L cùng trả nợ vì ông L không trực tiếp vay tiền của bà N  cũng không biết việc bà vay tiền của bà N .

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 12 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vũ Ngọc L trình bày:***

Ông và bà T là vợ chồng nhưng ông, bà đã ly hôn theo Quyết định số 266/2023/QĐCNTTLH ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ông không vay tiền của bà N và khi bà T vay tiền của bà N cũng không thông báo cho ông biết. Mục đích bà T vay tiền của bà N để làm gì ông cũng không biết. Trong thời kỳ hôn nhân, ông làm nghề thợ mộc, thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/tháng nhưng không ổn định, tháng có tiền, tháng không có tiền. Lương hưu của ông được 1.600.000 đồng/tháng. Bà T đã nghỉ hưu từ năm 2015, lương hưu của bà T được khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Khi còn sống chung thì tiền lương của ông được bao nhiêu ông đưa cho bà T và bà T là người quản lý tiền bạc, tự lo các khoản thu chi, sinh hoạt trong gia đình. Đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2023 thì bà T bị đổ nợ nên vợ chồng đã ly hôn và hiện tại ông, bà không còn sống chung một nhà. Nay ông không đồng ý cùng bà T trả nợ cho bà N vì số tiền trên là nợ riêng của bà T đối với bà N, không liên quan đến ông.

***- Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân Thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, quyết định:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim N đối với bà Trần Thị Kim T và ông Vũ Ngọc L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị Kim T và ông Vũ Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Kim N số tiền 348.233.000 (Ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Trong đó, bà T có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 174.116.500 (Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm) đồng. Ông L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 174.116.500 (Một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm) đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Kim T, ông Vũ Ngọc L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015154 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Yêu cầu kháng cáo:*** Ông L cho rằng ông không ký mượn nợ của bà N, và hiện nay vợ chồng đã ly hôn, khi trong thời kỳ hôn nhân bà T không sử dụng tiền

vay vào mục đích chung của vợ chồng, nên ông  không đồng ý trả tiền cho bà N, cũng không đồng ý liên đới cùng bà T trả tiền cho bà N.

***- Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bà Trần Kim N, bà Trần Thị Kim T và ông Vũ Ngọc L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sự  thỏa thuận cụ thể như sau: Ông Vũ Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim N số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), phần còn lại là 248.233.000đ (Hai trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm trả cho bà Trần Kim N.

***- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của ông Vũ Ngọc L hợp lệ theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

**[3]** Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

**[4]** Về án phí sơ thẩm:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nhưng không thỏa thuận về án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại án phí sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị Kim T, ông Vũ Ngọc L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015154 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**[5]** Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Ngọc L được miễn.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1**. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Kim N, bà Trần Thị Kim T, ông Vũ Ngọc L tại phiên tòa phúc thẩm.

Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim N đối với bà Trần Thị Kim T và ông Vũ Ngọc L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim N số tiền 248.233.000 (Hai trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Ông Vũ Ngọc L có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim N số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Kim T, ông Vũ Ngọc L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000 (Tám triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015154 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Vũ Ngọc L được miễn.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND TTN;
- TAND Thị xã TB;
- Chi cục THADS Thị xã TB;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Bích Thủy**